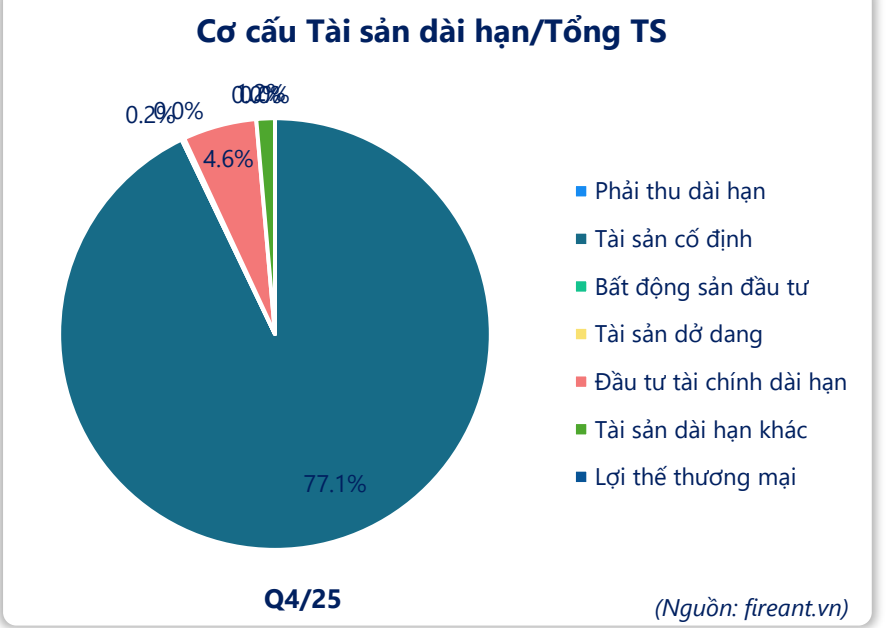
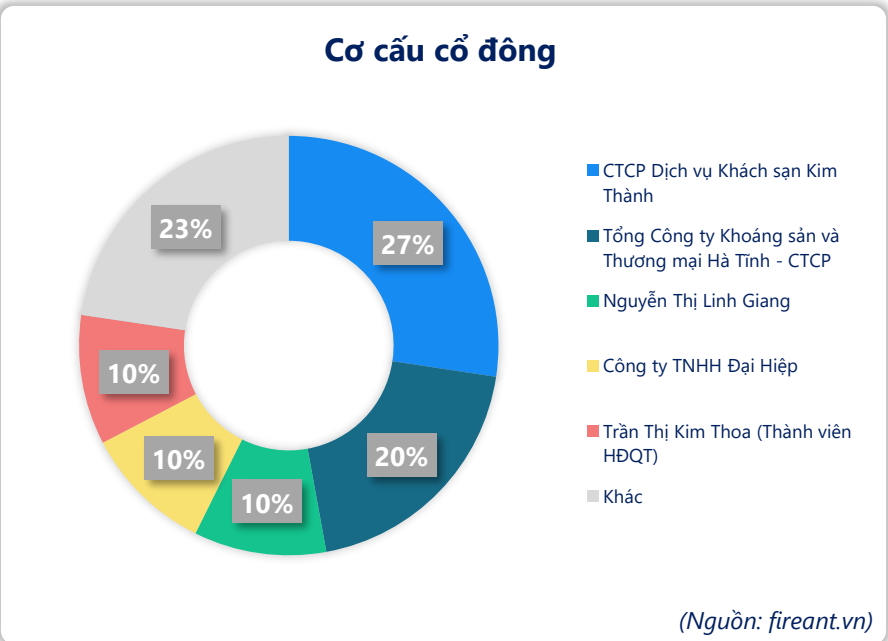
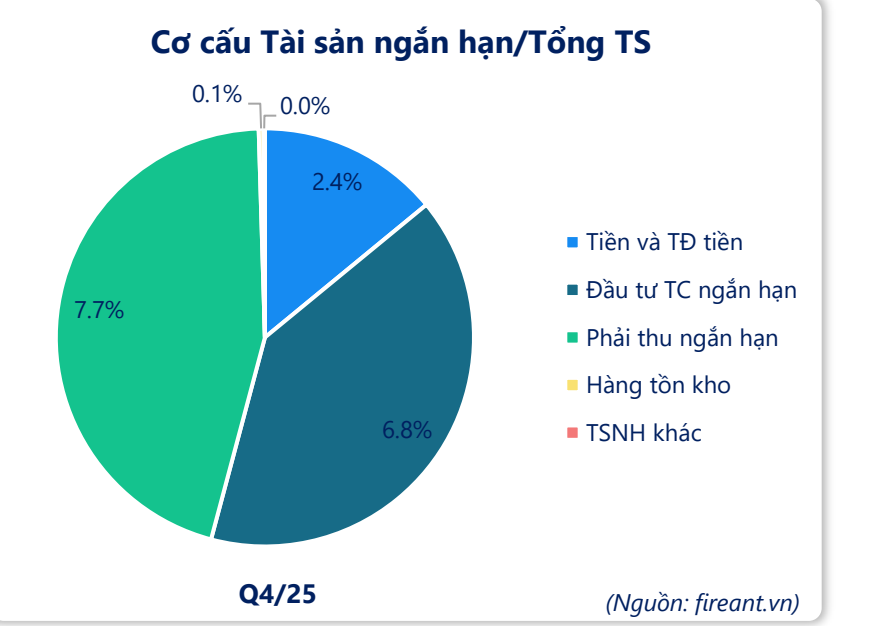
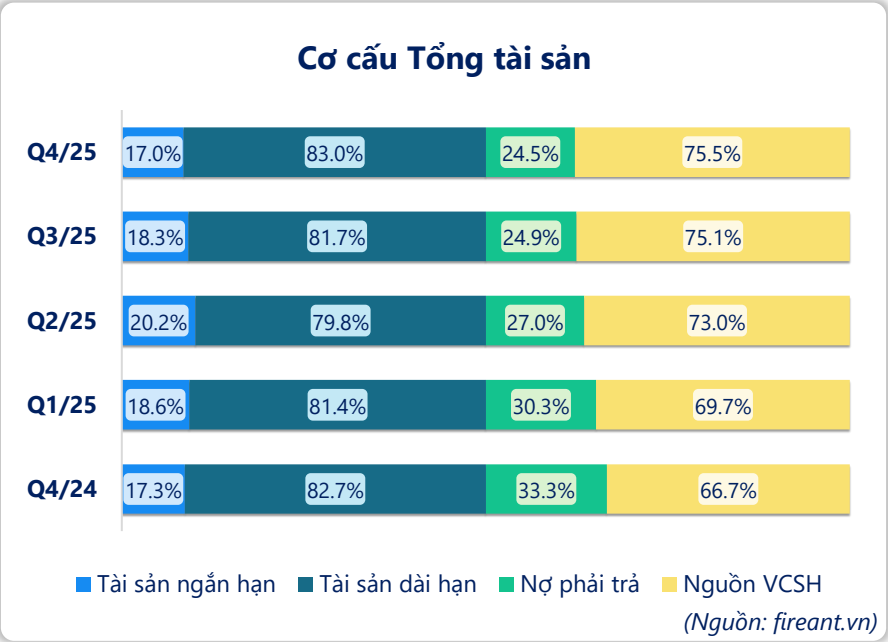
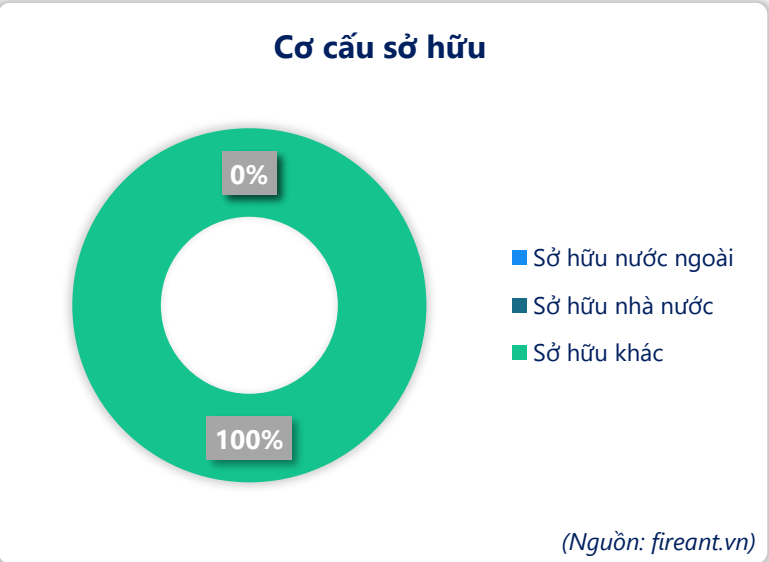
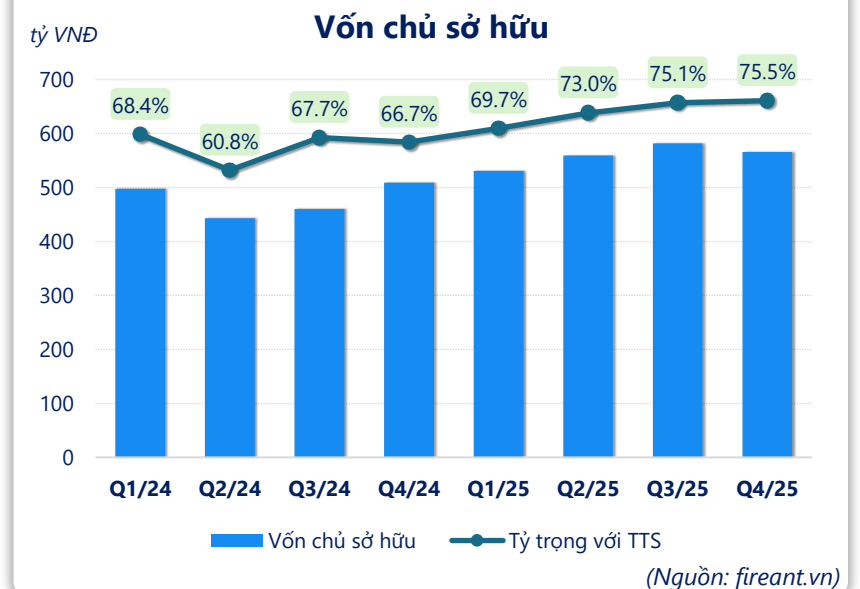
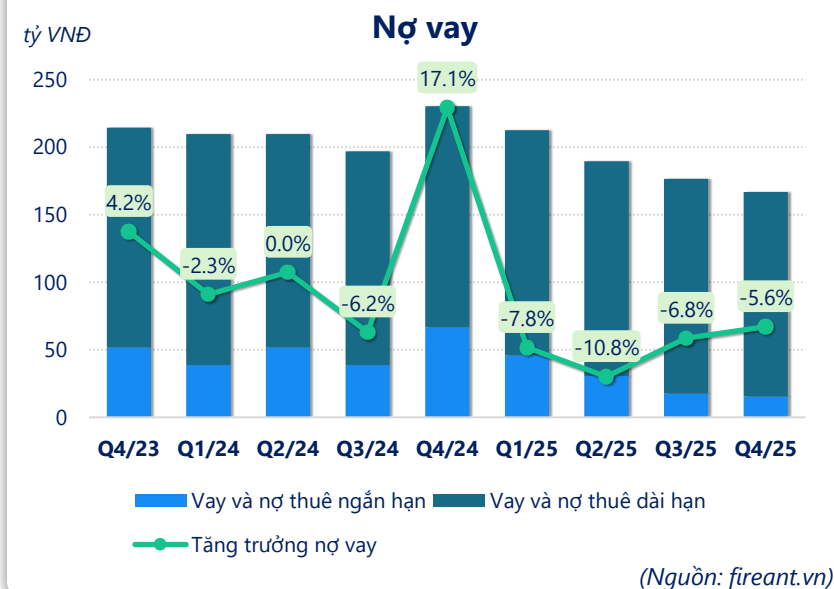
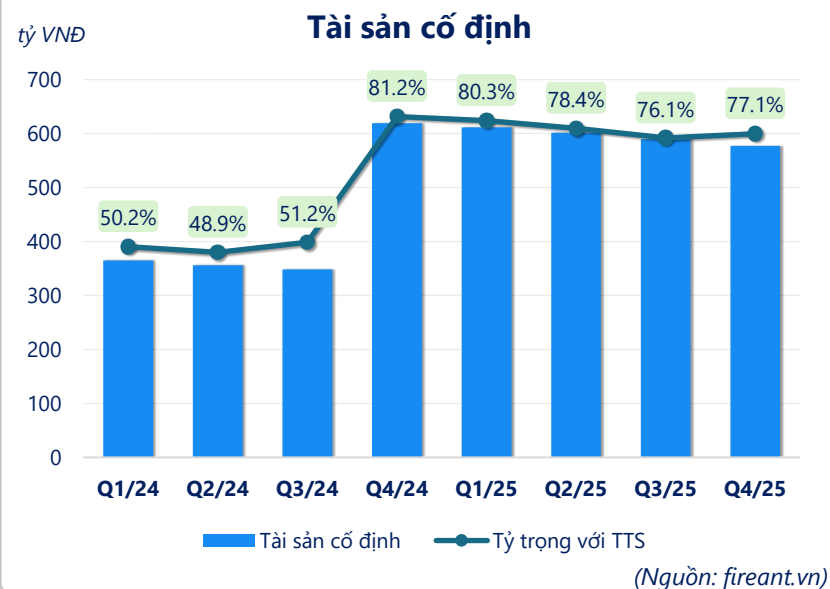
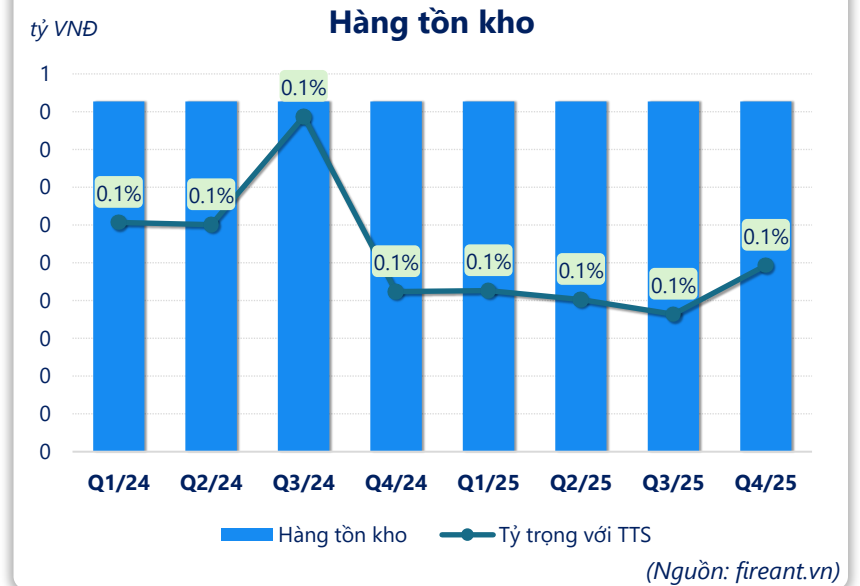
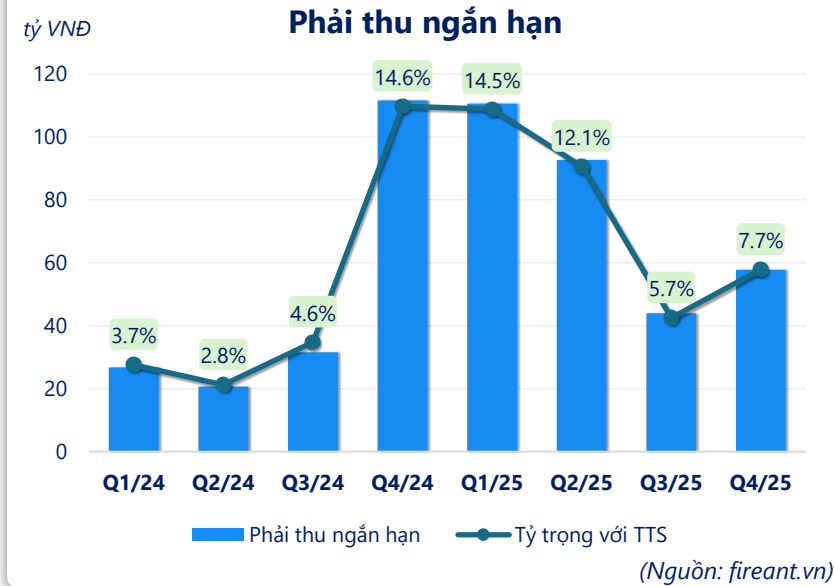
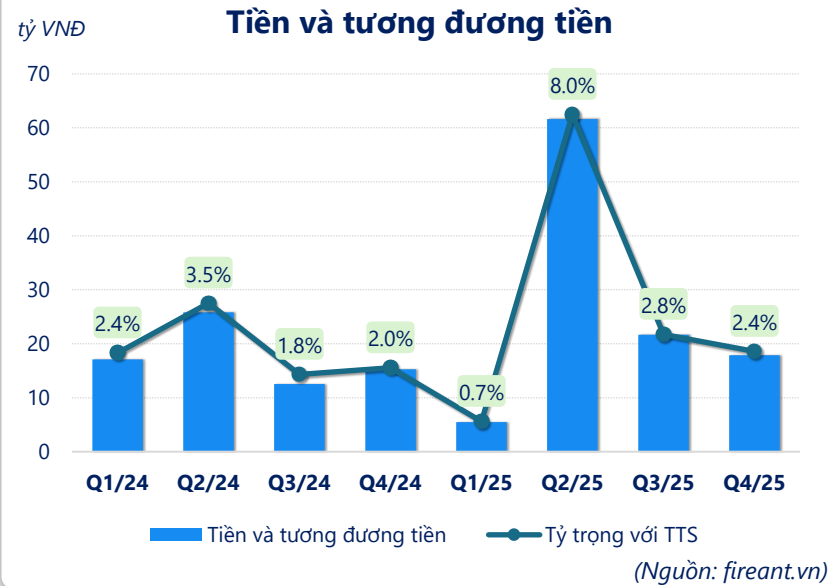
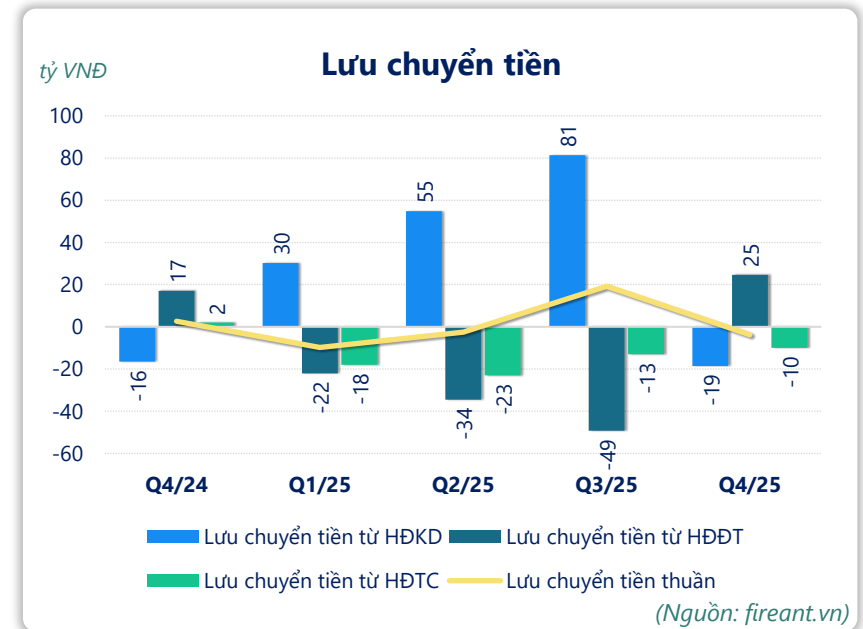
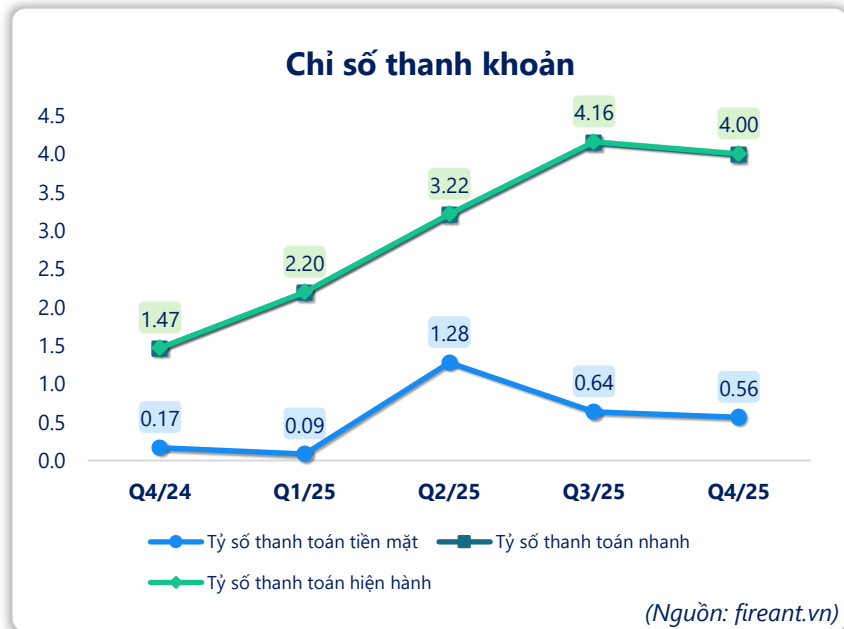
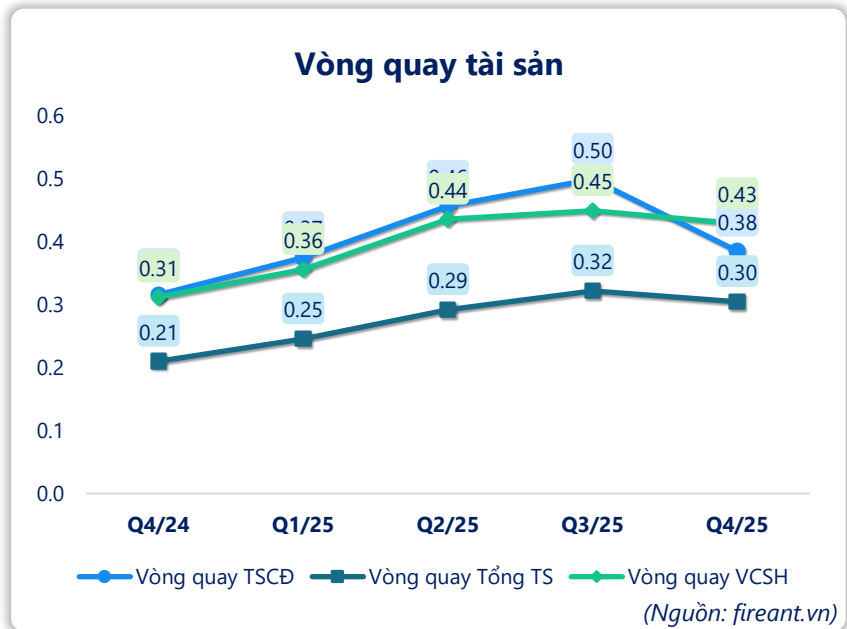
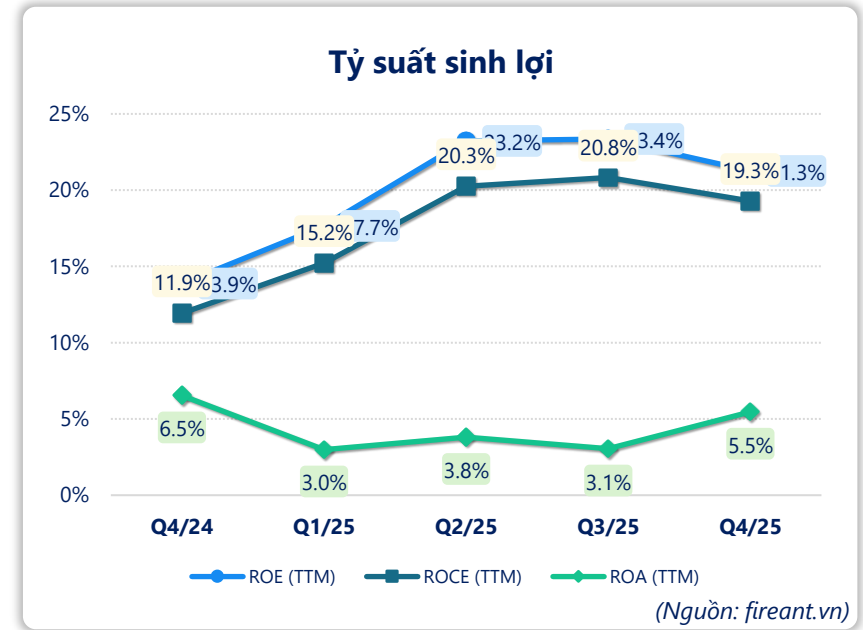
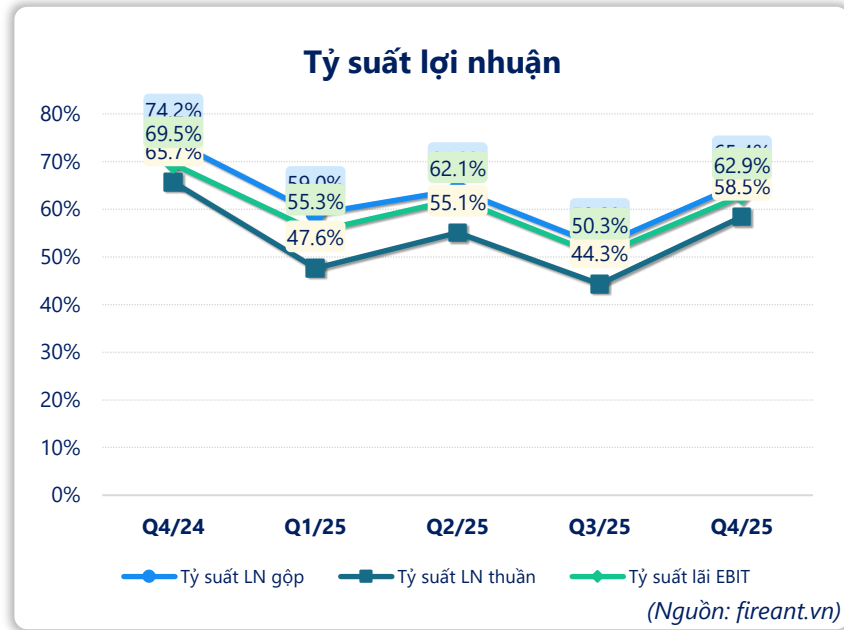
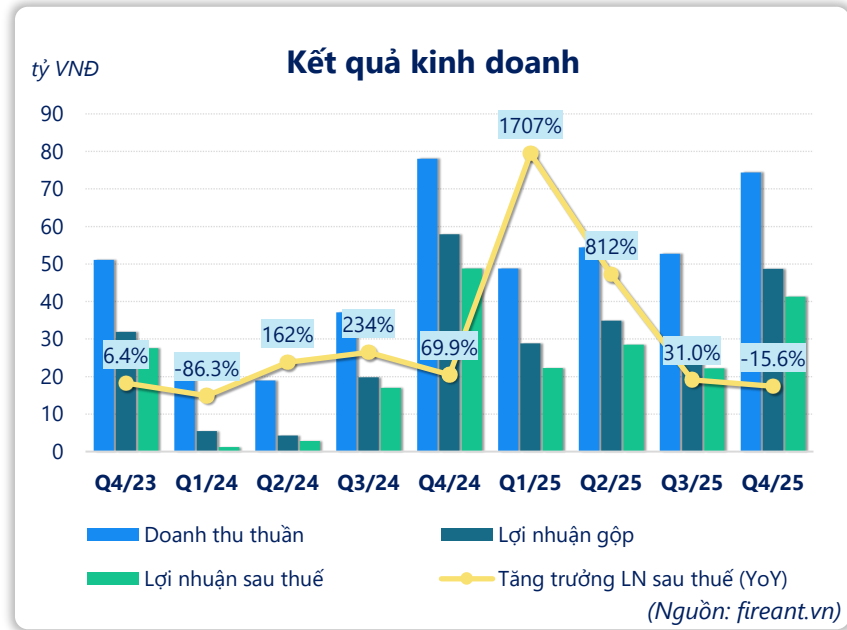


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		32,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		34,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		21,629
SL cổ phiếu LH		28,562,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		3,265
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		914
P/E		8.0
EPS		3,999

	YTD	1T	3T	6T
GSM	37.8%	3.2%	0.3%	13.2%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	749	763	-1.9%
Tài sản ngắn hạn	127	132	-3.4%
Tiền và tương đương tiền	17.9	17.4	2.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	51.0	2.57	1890%
Phải thu ngắn hạn	57.8	111	-48.1%
Hàng tồn kho	0.46	0.46	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.14	0.14	2.3%
Tài sản dài hạn	622	632	-1.6%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	577	623	-7.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.29	1.19	7.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	34.4	0	
Tài sản dài hạn khác	8.63	7.06	22.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	183	254	-28.0%
Nợ ngắn hạn	31.8	87.7	-63.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	15.4	63.7	-75.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	6.18	8.54	-27.6%
Nợ dài hạn	151	167	-9.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	151	167	-9.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	566	509	11.2%
Vốn chủ sở hữu	566	509	11.2%
Vốn điều lệ	286	286	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	78.1	48.8	54.4	52.7	74.4
Giá vốn hàng bán	20.1	20.0	19.6	25.1	25.7
Lợi nhuận gộp	57.9	28.8	34.9	27.6	48.7
Doanh thu HĐTC	-0.07	0.00	0.73	0.75	0.43
Chi phí TC	2.90	3.56	3.83	3.16	3.28
Chi phí lãi vay	2.90	3.56	3.83	3.16	3.28
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	3.71	2.01	1.76	1.82	2.35
LN thuần từ HĐKD	51.3	23.2	30.0	23.4	43.5
Lợi nhuận khác	0.07	0.19	-0.01	0.00	0.00
LN trước thuế	51.3	23.4	30.0	23.4	43.5
Lợi nhuận sau thuế	48.8	22.3	28.5	22.2	41.3
LNST của CĐ cty mẹ	48.8	22.3	28.5	22.2	41.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-16.5	30.3	54.9	81.4	-18.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	17.1	-22.1	-34.5	-49.2	24.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	2.08	-17.9	-22.9	-12.9	-9.91
Tiền đầu kỳ	12.6	15.3	5.48	2.44	21.7
Lưu chuyển tiền thuần	2.69	-9.77	-2.51	19.2	-3.78
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	15.2	5.48	2.98	21.7	17.9

(Nguồn: fireant.vn)